

Bản án số: 83/2025/DS-ST
Ngày: 23/6/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 219/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, địa chỉ lầu E, số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 3100/2024/UQ-TGD ngày 07/5/2024). Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Đình Thiên H, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số F N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/7/2018, ông Trương Đình Thiên H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông H số thẻ 356481-2439 với hạn mức sử dụng số tiền 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 68.691.490 đồng, thì ông H phải thanh toán thẻ tín dụng khi đến hạn theo thông báo giao dịch và tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng về chi tiết lãi, phí.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 51.117.952 đồng, số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là trừ phí, lãi trước, giao dịch sau, thì ông H còn nợ số tiền 33.255.836 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2, Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 23/5/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 33.255.836 đồng sang nợ quá hạn và tính đến ngày 15/5/2025 còn nợ thẻ tín dụng số thẻ 356481-2439 gồm: Gốc 33.255.836 đồng và lãi quá hạn số tiền 78.640.827 đồng từ ngày 23/5/2020 tạm tính đến ngày 15/5/2025 với mức lãi suất 3,9%/tháng nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông H phải trả ngay số tiền nêu trên 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Từ 16/5/2025, ông H phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông H trả nợ cho Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp không yêu cầu vợ của ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H trong vụ án này trong trường hợp ông H có vợ.

Bị đơn ông H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M ngày 23/6/2025 như sau: Buộc ông Trương

Đình Thiên H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 114.879.740 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356481-2439 gồm: Gốc số tiền 33.255.836 đồng và lãi quá hạn từ ngày 23/5/2020 cho đến ngày 23/6/2025 số tiền 81.623.904 đồng với mức lãi suất 3,9%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Trương Đình Thiên H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Trương Đình Thiên H trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2018 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ *Tại địa chỉ F N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Trương Đình Thiên H, sinh năm 1992 đăng ký cư trú, không thực tế cư trú.*”. Đồng thời, tại phần thông tin cá nhân của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2018 thì ông Hoàng cung C cho Ngân hàng nơi ở tại địa chỉ số F N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, khi ông H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn ông H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Trương Đình Thiên H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 114.879.740 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356481-2439 gồm: Gốc số tiền 33.255.836 đồng và lãi quá hạn từ ngày 23/5/2020 cho đến ngày 23/6/2025 số tiền 81.623.904 đồng với mức lãi suất 3,9%/tháng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2018 của ông H đối với Ngân hàng TMCP S thì ông H được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 30.000.000 đồng với thẻ tín dụng số thẻ 356481-2439.

[2.1.2] Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”* và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về nguyên tắc sử dụng thẻ như sau: *“ 2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã ký với TCPHT.*

3. Phạm vi sử dụng thẻ:

a) Thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh được sử dụng để thực hiện các giao dịch thẻ theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT;

b) Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ; nạp, rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT;

c) Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và không được rút tiền mặt;

d) Thẻ phụ phát hành cho chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi không được rút tiền mặt và chỉ được sử dụng để thanh toán đúng mục đích đã xác định theo thỏa thuận bằng văn bản giữa TCPHT và chủ thẻ chính.”. Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định tại khoản 1.9 Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: “*Dư nợ thẻ: là tổng của số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch và tiền lãi phí liên quan đến việc sử dụng thẻ*”, tại Điều 18 quy định về phương thức thanh toán như sau: “*Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo...*”, tại Điều 20 quy định áp dụng thanh toán như sau: “*Trừ trường hợp đơn vị phát hành thẻ có quy định khác đi việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.*”, và tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: “*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...*”, thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của ông H thể hiện giao dịch từ ngày 22/7/2018 cho đến ngày 22/5/2020 của thẻ tín dụng số 356481-2439 còn dư nợ số tiền 33.255.836 đồng, ông H không thanh toán đến nay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông H phải trả số tiền 33.255.836 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”.

[2.2.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.*” và tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: “*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...*”

Đồng thời, trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S1 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ. Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ dư nợ.

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ...”. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển nợ quá hạn thẻ tín dụng nêu trên từ ngày 23/5/2020 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.3] Theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam quy định với mức lãi suất trong hạn là 2,6%/ tháng nên Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn 3,9%/tháng và yêu cầu ông H trả lãi quá hạn số tiền 81.623.904 đồng từ ngày 23/5/2020 đến ngày 23/6/2025 của thẻ tín dụng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông HoàngHoangHoa2ng phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.743.987 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận số tiền 114.879.740 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên hoàn trả số tiền 2.334.823 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP S đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210,

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Trương Đình Thiên H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 114.879.740 đồng gồm: Gốc số tiền 33.255.836 đồng và lãi quá hạn từ ngày 23/5/2020 cho đến ngày 23/6/2025 số tiền 81.623.904 đồng của thẻ tín dụng số thẻ 356481-2439 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2018. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trương Đình Thiên H còn phải tiếp tục trả lãi của số tiền gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2018 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Đình Thiên H phải chịu án phí số tiền 5.743.987 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.334.823 đồng theo biên lai thu tiền số 0021231 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn ông Trương Đình Thiên H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn